



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

εγώ

εσύ

αυτός

αυτή

αυτό
αυτός/αυτή

εμείς

εσείς

αυτοί

τί

ποιος

πού

γιατί

πώς

ποιο

πότε

τότε

αν

πραγματικά

αλλά

επειδή

δεν

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

αυτό
γενικός

Το χρειάζομαι

Πόσο κάνει αυτό;

ότι

όλα

ή

και

ξέρω

Ξέρω

Δεν ξέρω

σκέφτομαι

έρχομαι

βάζω

παίρνω

βρίσκω

ακούω

δουλεύω

μιλάω

δίνω

μου αρέσει

βοηθώ

Cái này giá bao nhiêu?

Tôi cần cái này

này

hoặc

tất cả

đó

Tôi biết

biết

và

đến

nghĩ

Tôi không biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

αγαπώ

καλώ

περιμένω

Μου αρέσεις

Δεν μου αρέσει αυτό

Με αγαπάς;

Σε αγαπώ

μηδέν

ένα

δύο

τρία

τέσσερα

πέντε

έξι

επτά

οκτώ

εννέα

δέκα

έντεκα

δώδεκα

δεκατρία

chờ đợi

gọi

yêu

Bạn có yêu tôi không?

Tôi không thích cái này

Tôi thích bạn

1

0

Tôi yêu bạn

4

3

2

7

6

5

10

9

8

13

12

11

δεκατέσσερα

δεκαπέντε

δεκαέξι

δεκαεπτά

δεκαοκτώ

δεκαεννέα

είκοσι

νέος
γενικός

παλιός

λίγα

πολλά

πόσο;

πόσα;

λανθασμένος

σωστός

κακός
γενικός

καλός

χαρούμενος

κοντός
γενικός

μακρύς

μικρός

16

15

14

19

18

17

cũ

mới

20

bao nhiêu?

nhiều

ít

chính xác

sai

bao nhiêu?

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

μεγάλος

εκεί

εδώ

δεξιά

αριστερά

όμορφος
γυναίκα

νέος
άνθρωπος

γέρος

χαίρετε

τα λέμε αργότερα

εντάξει

να προσέχεις

ηρέμησε

φυσικά

καλημέρα

γεια

γεια

αντίο σας

με συγχωρείτε

συγγνώμη

ευχαριστώ

đây

đó

lớn

xinh đẹp

trái

phải

xin chào

già

trẻ

bảo trọng nhé

được

hẹn gặp lại

chúc ngày tốt lành

tất nhiên

đừng lo

tạm biệt

bái bai

chào

cảm ơn bạn

xin lỗi

xin làm phiền

παρακαλώ

θέλω αυτό

τήρα

απόγευμα

πρωί
9:00-11:00

νύχτα

πρωί
6:00-9:00

νωρίς το βράδυ

μεσημέρι

μεσάνυχτα

ώρα

λεπτό

δευτερόλεπτο

ημέρα

εβδομάδα

μήνας

έτος

χρόνος

ημερομηνία

προχθές

εχθές

bây giờ

Tôi muốn cái này

làm ơn

ban đêm

buổi sáng

buổi chiều

buổi trưa

buổi tối

buổi sáng

phút

giờ

nửa đêm

tuần

ngày

giây

thời gian

năm

tháng

hôm qua

ngày hôm kia

ngày tháng

σήμερα

αύριο

μεθαύριο

Δευτέρα

Τρίτη

Τετάρτη

Πέμπτη

Παρασκευή

Σάββατο

Κυριακή

Αύριο είναι Σάββατο

ζωή

γυναίκα

άνδρας

αγάπη

φίλος
αγάπη

φίλη

φίλος
γενικός

φιλί

σεξ

παιδί

ngày kia

ngày mai

hôm nay

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

cuộc đời

Ngày mai là thứ bảy

chủ nhật

tình yêu

đàn ông

đàn bà

bạn

bạn gái

bạn trai

trẻ em

tình dục

hôn

μωρό

κορίτσι

αγόρι

μαμά

μπαμπάς

μητέρα

πατέρας

γονείς

γιός

κόρη

μικρή αδερφή

μικρός αδερφός

μεγάλη αδερφή

μεγάλος αδερφός

στέκομαι

κάθομαι

ξαπλώνω

κλείνω

ανοίγω
πόρτα

χάνω

κερδίζω
γενικός

con trai

con gái

em bé

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

đúng

anh trai

chị gái

đóng

nằm xuống

ngồi

thắng

thua

mở

πεθαίνω

ζω

ανάβω

σβήνω

σκοτώνω

τραυματίζω

αγγίζω

παρακολουθώ

πίνω

τρώω

περπατώ

συναντάω

στοιχηματίζω
άθλημα

φιλώ

ακολουθώ

παντρεύομαι

απαντώ

ρωτώ

ερώτηση

Εταιρία

επιχείρηση

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cưới

kinh doanh

công ty

câu hỏi

δουλειά

χρήματα

τηλέφωνο

γραφείο
κτίριο

γιατρός

νοσοκομείο

νοσοκόμα

αστυνομικός

πρόεδρος

λευκό

μαύρο

κόκκινο

μπλε

πράσινο

κίτρινο

αργός

γρήγορος

αστείος

άδικος

δίκαιος

δύσκολος

điện thoại

tiền

việc làm

bệnh viện

bác sĩ

văn phòng

tổng thống

cảnh sát

y tá

màu đỏ

màu đen

màu trắng

màu vàng

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

vui vẻ

nhanh

chậm

khó

công bằng

không công bằng

εύκολος

Αυτό είναι δύσκολο

πλούσιος

φτωχός

δυνατός

αδύναμος

ασφαλής

κουρασμένος

υπερήφανος

χορτάτος

άρρωστος

υγιής

θυμωμένος

χαμηλός

ψηλός
γενικός

ευθύς

κάθε

πάντα
επίρρημα

βασικά

πάλι

ήδη

giàu

Cái này khó

dễ

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

luôn luôn

mỗi / mọi

thẳng

đã

lần nữa

thực ra

λιγότερο

πλέον

περισσότερο

Θέλω κι άλλο

κανένας

πολύ

ζώο

χοίρος

αγελάδα

άλογο

σκύλος

πρόβατο

μαϊμού

γάτα

αρκούδα

κοτόπουλο
ζώο

πάπια

πεταλούδα

μέλισσα

ψάρι
ζώο

αράχνη

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

rất

không có

Tôi muốn nhiều hơn

con bò

con lợn

động vật

con cừu

con chó

con ngựa

con gấu

con mèo

con khỉ

con bướm

con vịt

con gà

con nhện

con cá

con ong

φίδι

έξω

μέσα

μακριά

κοντά

από κάτω

από πάνω

δίπλα

μπροστά

πίσω

γλυκός

ξινός

παράξενος

μαλακός

σκληρός

χαριτωμένος

χαζός

τρελός

απασχολημένος

ψηλός
άνθρωπος

κοντός
άνθρωπος

ở trong

ở ngoài

con rắn

bên dưới

gần

xa

phía trước

bên cạnh

bên trên

chua

ngọt

phía sau

cứng

mềm

lạ

điên khùng

ngu ngốc

đáng yêu

thấp

cao

bận rộn

ανήσυχος

έκπληκτος

άνετος

φρόνιμος

κακός
άνθρωπος

έξυπνος

κρύος

ζεστός

κεφάλι

μύτη

τρίχα

στόμα

αυτί

μάτι

χέρι
γάντι

πόδι
παπούτσι

καρδιά

εγκέφαλος

τραβάω

σπρώχνω

πιέζω

ngẫu

ngạc nhiên

lo lắng

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

đầu

nóng

lạnh

miệng

tóc

mũi

bàn tay

mắt

tai

não

tim

bàn chân

ấn

đẩy

kéo

χτυπάω

πιάνω

παλεύω

ρίχνω

τρέχω

διαβάζω

γράφω

διορθώνω

μετράω
μαθηματικά

κόβω

πουλάω

αγοράζω

πληρώνω

μελετάω

ονειρεύομαι

κοιμάμαι

παίζω

γιορτάζω

ξεκουράζομαι

απολαμβάνω

καθαρίζω

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

dọn dẹp

thưởng thức

nghỉ ngơi

σχολείο

σπίτι
κτίριο

πόρτα

σύζυγος
άνδρας

σύζυγος
γυναίκα

γάμος

άνθρωπος

αυτοκίνητο

σπίτι
οικογένεια

πόλη

αριθμός

είκοσι ένα

είκοσι δύο

είκοσι έξι

τριάντα

τριάντα ένα

τριάντα τρία

τριάντα επτά

σαράντα

σαράντα ένα

σαράντα τέσσερα

cửa

nhà ở

trường học

đám cưới

vợ

chồng

nhà

xe hơi

người

21

số

thành phố

30

26

22

37

33

31

44

41

40

σαράντα οκτώ

πενήντα

πενήντα ένα

πενήντα πέντε

πενήντα εννέα

εξήντα

εξήντα ένα

εξήντα δύο

εξήντα έξι

εβδομήντα

εβδομήντα ένα

εβδομήντα τρία

εβδομήντα επτά

ογδόντα

ογδόντα ένα

ογδόντα τέσσερα

ογδόντα οκτώ

ενενήντα

ενενήντα ένα

ενενήντα πέντε

ενενήντα εννιά

51

50

48

60

59

55

66

62

61

73

71

70

81

80

77

90

88

84

99

95

91

εκατό

χίλια

δέκα χιλιάδες

εκατό χιλιάδες

ένα εκατομμύριο

ο σκύλος μου

η γάτα σου

το φόρεμά της

το αυτοκίνητό του

η μπάλα του

το σπίτι μας

η ομάδα σας

η εταιρία τους

όλοι

μαζί

άλλα

δεν έχει σημασία

εις υγείαν

χαλάρωσε

συμφωνώ

καλώς ήρθατε

10.000

1000

100

con chó của tôi

1.000.000

100.000

xe của anh ấy

váy của cô ấy

con mèo của bạn

đội của bạn

nhà của chúng tôi

quả bóng của nó

cùng nhau

mọi người

công ty của họ

chúc mừng

không thành vấn đề

khác

chào mừng

tôi đồng ý

thư giãn đi

μην ανησυχείς

στρίψε δεξιά

στρίψε αριστερά

πήγαινε ευθεία

έλα μαζί μου

αυγό

τυρί

γάλα

ψάρι
φαγητό

κρέας

λαχανικό

φρούτα

οστό
φαγητό

λάδι

ψωμί

ζάχαρη

σοκολάτα

καραμέλα

κείμε

ποτό

νερό

rễ trái

rễ phải

không phải lo

trúng

Hãy đi với tôi

đi thẳng

cá

sữa

phô mai

trái cây

rau

thịt

bánh mì

dầu

xương

kẹo

sô cô la

đường

nước

đồ uống

bánh bông lan

σόδα

καφές

τσάι

μπύρα

κρασί

σαλάτα

σούπα

επιδόρπιο

πρωινό

μεσημεριανό

δείπνο

πίτσα

λεωφορείο

τρένο

σιδηροδρομικός σταθμός

στάση λεωφορείου

αεροπλάνο

πλοίο

φορτηγό

ποδήλατο

μοτοσυκλέτα

trà

cà phê

nước soda

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

pizza

bữa tối

bữa trưa

ga xe lửa

xe lửa

xe buýt

tàu

máy bay

trạm dừng xe buýt

xe mô tô

xe đạp

xe tải

ταξί

φανάρι

χώρος στάθμευσης

δρόμος

ρούχο

παπούτσι

παλτό

φούτερ

πουκάμισο

τζάκετ

κοστούμι

παντελόνι

φόρεμα

κοντομάνικη μπλούζα

κάλτσα

σουτιέν

σώβρακο

γυαλιά

τσάντα

τσαντάκι

πορτοφόλι

bãi đậu xe

đèn giao thông

xe taxi

giày dép

quần áo

đường

áo sơ mi

áo len

áo choàng

quần dài

áo phực

áo khoác

bít tất

áo phông

đầm

kính

quần lót

áo ngực

ví

ví tiền

túi xách

δαχτυλίδι

καπέλο

ρολόι
καρπός

τσέπη

Πώς σε λένε;

Το όνομά μου είναι Ντέιβιντ

Είμαι 22 χρονών

Τί κάνεις;

Είσαι καλά;

Πού είναι η τουαλέτα;

μου λείπεις

άνοιξη

καλοκαίρι

φθινόπωρο

χειμώνας

Ιανουάριος

Φεβρουάριος

Μάρτιος

Απρίλιος

Μάιος

Ιούνιος

đồng hồ đeo tay

mũ

nhẫn

Tên của tôi là David

Bạn tên gì?

túi

Bạn có ổn không?

Bạn có khỏe không?

Tôi 22 tuổi

mùa xuân

Tôi nhớ bạn

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

mùa đông

mùa thu

mùa hè

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

Ιούλιος

Αύγουστος

Σεπτέμβριος

Οκτώβριος

Νοέμβριος

Δεκέμβριος

ψώνια

λογαριασμός

αγορά

σούπερ μάρκετ

κτίριο

διαμέρισμα

πανεπιστήμιο

αγρόκτημα

εκκλησία

εστιατόριο

μπαρ

γυμναστήριο

πάρκο

τουαλέτα
γενικός

χάρτης

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

chợ

hóa đơn

mua sắm

căn hộ

tòa nhà

siêu thị

nhà thờ

nông trại

trường đại học

phòng thể dục

quán bar

nhà hàng

bản đồ

nhà vệ sinh

công viên

ασθενοφόρο

αστυνομία

όπλο

πυροσβεστική

χώρα

προάστιο

χωριό

υγεία

φάρμακο

ατύχημα

ασθενής

χειρουργείο

χάπι

πυρετός

κρυολόγημα

πληγή

ραντεβού

βήχας

λαιμός

πισινός

ώμος

súng

cảnh sát

xe cứu thương

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

dược phẩm

sức khỏe

ngôi làng

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

cảm lạnh

sốt

viên thuốc

ho

cuộc hẹn

vết thương

vai

mông

cổ

γόνατο

πόδι
γενικός

χέρι
γενικός

κοιλιά

στήθος

πλάτη

δόντι

γλώσσα

χείλος

δάχτυλο

δάχτυλο του ποδιού

στομάχι

πνεύμονας

συκώτι

νεύρο

νεφρός

έντερο

χρώμα

πορτοκάλι
χρώμα

γκρί

καφέ

tay

chân

đầu gối

lưng

ngực

bụng

môi

lưỡi

răng

dạ dày

ngón chân

ngón tay

dây thần kinh

gan

phổi

màu sắc

ruột

thận

màu nâu

màu xám

màu cam

ροζ

βαρετός

βαρύς

ελαφρύς

μοναχικός

πεινασμένος

διψασμένος

λυπημένος

απότομος

επίπεδος

στρογγυλός

τετράγωνος

στενός

ευρύς

βαθύς

ρηχός

τεράστιος

βόρεια

ανατολικά

νότια

δυτικά

nặng

nhàm chán

màu hồng

đôi bụng

cô đơn

nhẹ

đốc

buồn

khát nước

vuông

tròn

bằng phẳng

sâu

rộng

hẹp

bắc

lớn

nông

tây

nam

đông

βρώμικος

καθαρός

γεμάτος

άδειος

ακριβός

φθηνός

σκοτεινός

φωτεινός

σέξι

τεμπέλης

γενναίος

γενναϊόδωρος

όμορφος
άνδρας

άσχημος

ανόητος

φιλικός

ένοχος

τυφλός

μεθυσμένος

βρεγμένος

στεγνός

đầy

sạch sẽ

bẩn

rẻ

đắt

trống rỗng

quyến rũ

sáng

tối

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ngớ ngẩn

xấu xí

đẹp trai

mù

tội lỗi

thân thiện

khô

ướt

say

θερμός

θορυβώδης

ήσυχος

σιωπηλός

κουζίνα
κτίριο

μπάνιο

σαλόνι

κρεβατοκάμαρα

κήπος

γκαράζ

τοίχος

υπόγειο

τουαλέτα
σπίτι

σκάλες

στέγη

παράθυρο
κτίριο

μαχαίρι

φλιτζάνι

ποτήρι

πιάτο

κούπα

yên tĩnh

ồn ào

ấm áp

phòng tắm

nhà bếp

im lặng

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

κάδος σκουπιδιών

μπολ

τηλεόραση
συσκευή

γραφείο
τραπέζι

κρεβάτι

καθρέφτης

ντους

καναπές

εικόνα

ρολόι
κτίριο

τραπέζι

καρέκλα

πισίνα
κήπος

κουδούνι

γείτονας

αποτυγχάνω

επιλέγω

πυροβολώ

ψηφίζω

πέφτω

αμύνομαι

bộ tivi

tô

thùng rác

gương

giường

bàn

ảnh

ghế sofa

vòi hoa sen

ghế

bàn

đồng hồ

hàng xóm

chuông

hồ bơi

bắn

chọn

thất bại

bảo vệ

rơi xuống

bình chọn

επιτίθεμαι

κλέβω

καίω

σώζω

καπνίζω

πετάω

μεταφέρω

φτύνω

κλωτσάω

δαγκώνω

αναπνέω

μυρίζω

κλαίω

τραγουδάω

χαμογελάω

γελάω

μεγαλώνω

συρρικνώνομαι

διαφωνώ

απειλώ

μοιράζομαι

đốt

trộm

tấn công

bay

hút thuốc

cứu

đá

khắc nhủ

mang theo

ngủi

thở

cẩn

cười mỉm

hát

khóc

co lại

lớn lên

cười

chia sẻ

đe dọa

tranh luận

ταΐζω

κρύβω

προειδοποιώ

κολυμπάω

πηδάω

κυλώ

σηκώνω

σκάβω

αντιγράφω

παραδίδω

ψάχνω

εξασκώ

ταξιδεύω

ζωγραφίζω

κάνω ντους

ανοίγω
κλειδαριά

κλειδώνω

πλένω

προσεύχομαι

μαγειρεύω

βιβλίο

cảnh báo

trốn

cho ăn

lăn

nhảy

bơi

sao chép

đào

nâng

luyện tập

tìm kiếm

giao hàng

tắm vòi sen

vẽ

đi du lịch

rửa

khóa

mở

sách

nấu ăn

cầu nguyện

βιβλιοθήκη

εργασία για το σπίτι

εξετάσεις

μάθημα

επιστήμη

ιστορία

τέχνη

Αγγλικά

Γαλλικά

στυλό

μολύβι

τρία τοις εκατό

πρώτος

δεύτερος

τρίτος

τέταρτος

αποτέλεσμα

τετράγωνο

κύκλος

επιφάνεια

έρευνα

bài thi

bài tập về nhà

thư viện

lịch sử

khoa học

bài học

tiếng Pháp

tiếng Anh

nghệ thuật

3%

bút chì

cây bút

thứ ba

thứ hai

thứ nhất

hình vuông

kết quả

thứ tư

nguyên cứu

diện tích

hình tròn

πτυχίο
γενικός

πτυχίο
βασικός

μεταπτυχιακό

το x είναι μικρότερο από το
y

το x είναι μεγαλύτερο από
το y

άγχος

ασφάλεια

προσωπικό

τμήμα

μισθός

διεύθυνση

γράμμα
ταχυδρομείο

καπετάνιος

ντετέκτιβ

πιλότος

καθηγητής

δάσκαλος

δικηγόρος

γραμματέας

βοηθός

δικαστής

thạc sĩ

cử nhân

bằng cấp

áp lực

$x > y$

$x < y$

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

phi công

thám tử

thuyền trưởng

luật sư

giáo viên

giáo sư

thẩm phán

trợ lý

thư ký

διευθυντής

μάνατζερ

μάγειρας

οδηγός ταξί

οδηγός λεωφορείου

εγκληματίας

μοντέλο

καλλιτέχνης

αριθμός τηλεφώνου

σήμα

εφαρμογή

συνομιλία

αρχείο

ιστοδιεύθυνση

διεύθυνση ηλεκτρονικού
ταχυδρομείου

ιστοσελίδα

ηλεκτρονικό ταχυδρομείο

κινητό τηλέφωνο

νόμος

φυλακή

απόδειξη

đầu bếp

quản lý

giám đốc

tội phạm

tài xế xe buýt

tài xế taxi

số điện thoại

nghệ sĩ

người mẫu

trò chuyện

ứng dụng

tín hiệu

địa chỉ email

url

tập tin

điện thoại di động

thư điện tử

trang mạng

chứng cứ

nhà tù

pháp luật

πρόστιμο

μάρτυρας

δικαστήριο

υπογραφή

απώλεια

κέρδος

πελάτης

ποσό

πιστωτική κάρτα

κωδικός

μηχανή μετρητών

πισίνα
άθλημα

ρεύμα

φωτογραφική μηχανή

ραδιόφωνο

δώρο

μπουκάλι

σακούλα

κλειδί

κούκλα

άγγελος

tòa án

nhân chứng

tiền phạt

lợi nhuận

thua lỗ

chữ ký

thẻ tín dụng

số tiền

khách hàng

bể bơi

máy rút tiền

mật khẩu

đài radio

máy ảnh

điện

cái túi

cái chai

quà tặng

thiên thần

búp bê

chìa khóa

χτένα

οδοντόκρεμα

οδοντόβουρτσα

σαμπουάν

κρέμα
φάρμακο

χαρτομάντιλο

κραγιόν

τηλεόραση
γενικός

κινηματογράφος

νέα

θέση

εισιτήριο

οθόνη
κινηματογράφος

μουσική

σκηνή
πολιτισμός

κοινό

ζωγραφική

αστείο

άρθρο

εφημερίδα

περιοδικό

bàn chải đánh răng

kem đánh răng

lược

khăn giấy

kem thoa

dầu gội

rạp chiếu phim

truyền hình

son môi

vé

ghế

tin tức

sân khấu

âm nhạc

màn chiếu

trò đùa

hội họa

khán giả

tạp chí

báo chí

bài báo

διαφήμιση

φύση

τέφρα

φωτιά
γενικός

διαμάντι

φεγγάρι

γη

ήλιος

αστέρι

πλανήτης

σύμπαν

ακτή
θάλασσα

λίμνη

δάσος

έρημος

λόφος

βράχος

ποτάμι

κοιλάδα

βουνό

νησί

tro

thiên nhiên

quảng cáo

mặt trăng

kim cương

lửa

ngôi sao

mặt trời

Trái Đất

bờ biển

vũ trụ

hành tinh

sa mạc

rừng

hồ

con sông

đá

đồi núi

đảo

núi

thung lũng

ωκεανός

θάλασσα

καιρός

πάγος

χιόνι

καταιγίδα
γενικός

βροχή

άνεμος

φυτό

δέντρο

γρασίδι

τριαντάφυλλο

λουλούδι

αέριο

μέταλλο

χρυσός

ασήμι

Το ασήμι είναι φθηνότερο
από τον χρυσό

Ο χρυσός είναι ακριβότερος
από το ασήμι

διακοπές

μέλος

thời tiết

biển

đại dương

bão táp

tuyết

băng

thực vật

gió

mưa

hoa hồng

cỏ

cây

kim loại

chất khí

hoa

Bạc rẻ hơn vàng

bạc

vàng

thành viên

ngày lễ

Vàng đắt hơn bạc

ξενοδοχείο

παραλία

επισκέπτης
αργία

γενέθλια

Χριστούγεννα

Πρωτοχρονιά

Πάσχα

θείος

θεία

γιαγιά
πατέρας

παππούς
πατέρας

γιαγιά
μητέρα

παππούς
μητέρα

θάνατος

τάφος

διαζύγιο

νύφη
γάμος

γαμπρός
γάμος

εκατόν ένα

εκατόν πέντε

εκατόν δέκα

khách

bờ biển

khách sạn

Năm Mới

Giáng sinh

sinh nhật

cô

chú

Lễ Phục sinh

bà ngoại

ông nội

bà nội

phần mộ

tử vong

ông ngoại

chú rể

cô dâu

ly hôn

110

105

101

εκατόν πενήντα ένα

διακόσια

διακόσια δύο

διακόσια έξι

διακόσια είκοσι

διακόσια εξήντα δύο

τριακόσια

τριακόσια τρία

τριακόσια επτά

τριακόσια τριάντα

τριακόσια εβδομήντα τρία

τετρακόσια

τετρακόσια τέσσερα

τετρακόσια οκτώ

τετρακόσια σαράντα

τετρακόσια ογδόντα
τέσσερα

πεντακόσια

πεντακόσια πέντε

πεντακόσια εννέα

πεντακόσια πενήντα

πεντακόσια ενενήντα πέντε

202

200

151

262

220

206

307

303

300

400

373

330

440

408

404

505

500

484

595

550

509

εξακόσια

εξακόσια ένα

εξακόσια έξι

εξακόσια δεκαέξι

εξακόσια εξήντα

επτακόσια

επτακόσια δύο

επτακόσια επτά

επτακόσια είκοσι επτά

επτακόσια εβδομήντα

οκτακόσια

οκτακόσια τρία

οκτακόσια οκτώ

οκτακόσια τριάντα οκτώ

οκτακόσια ογδόντα

εννιακόσια

εννιακόσια τέσσερα

εννιακόσια εννέα

εννιακόσια σαράντα εννέα

εννιακόσια ενενήντα

τίγρη

606

601

600

700

660

616

727

707

702

803

800

770

880

838

808

909

904

900

con hỏ

990

949

ποντίκι
ζώο

αρουραίος

κουνέλι

λιοντάρι

γάιδαρος

ελέφαντας

πουλί

κόκορας

περιστέρι

χήνα

έντομο

ζουζούνι

κουνούπι

μύγα

μυρμήγκι

φάλαινα

καρχαρίας

δελφίνι

σαλιγκάρι

βάτραχος

συχνά

con thỏ

con chuột cống

con chuột

con voi

con lừa

con sư tử

con chim bồ câu

con gà trống choai

con chim

con bọ

côn trùng

con ngỗng

con kiến

con ruồi

con muỗi

con cá heo

con cá mập

con cá voi

thường xuyên

con ếch

con ốc sên

αμέσως

ξαφνικά

αν και

ενόργανη γυμναστική

αντισφαίριση

τρέξιμο

ποδηλασία

γκολφ

παγοδρομία

ποδόσφαιρο

καλαθοσφαίριση

κολύμβηση

καταδύσεις
θάλασσα

πεζοπορία

Ηνωμένο Βασίλειο

Ισπανία

Ελβετία

Ιταλία

Γαλλία

Γερμανία

Ταϊλάνδη

mặc dù

đột ngột

ngay lập tức

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

trượt băng

đánh golf

đạp xe

bơi lội

bóng rổ

bóng đá

Vương quốc Anh

đi bộ đường dài

lặn

Ý

Thụy sĩ

Tây Ban Nha

Thái Lan

Đức

Pháp

Σιγκαπούρη

Ρωσία

Ιαπωνία

Ισραήλ

Ινδία

Κίνα

Ηνωμένες Πολιτείες της
Αμερικής

Μεξικό

Καναδάς

Χιλή

Βραζιλία

Αργεντίνη

Νότια Αφρική

Νιγηρία

Μαρόκο

Λιβύη

Κένυα

Αλγερία

Αίγυπτος

Νέα Ζηλανδία

Αυστραλία

Nhật Bản

Nga

Singapore

Trung Quốc

Ấn Độ

Israel

Canada

Mexico

Hoa Kỳ

Argentina

Brazil

Chile

Ma Rốc

Nigeria

Nam Phi

Algeria

Kenya

Libya

Úc

New Zealand

Ai Cập

Αφρική

Ευρώπη

Ασία

Αμερική

τέταρτο της ώρας

μισή ώρα

τρία τέταρτα της ώρας

μία η ώρα

δύο και πέντε

τρεις και δέκα

τέσσερις και τέταρτο

πέντε και είκοσι

έξι και είκοσι πέντε

επτά και μισή

οκτώ και τριάντα πέντε

δέκα παρά είκοσι

έντεκα παρά τέταρτο

δώδεκα παρά δέκα

μία παρά πέντε

μία το πρωί

δύο το απόγευμα

Châu Á

Châu Âu

Châu Phi

nửa tiếng

mười lăm phút

Châu Mỹ

2:05

1:00

bốn mươi lăm phút

5:20

4:15

3:10

8:35

7:30

6:25

11:50

10:45

9:40

hai giờ chiều

một giờ sáng

12:55

την προηγούμενη εβδομάδα

αυτή την εβδομάδα

την επόμενη εβδομάδα

πέρυσι

φέτος

του χρόνου

τον προηγούμενο μήνα

αυτό το μήνα

τον επόμενο μήνα

πρώτη Ιανουαρίου δύο
χιλιάδες δεκατέσσερα

είκοσι πέντε Φεβρουαρίου
δύο χιλιάδες τρία

δώδεκα Απριλίου χίλια
εννιακόσια ογδόντα οκτώ

δεκατρείς Οκτώβριου χίλια
οκτακόσια ενενήντα εννέα

τριάντα Σεπτεμβρίου χίλια
εννιακόσια επτά

δώδεκα Δεκεμβρίου δύο
χιλιάδες

μέτωπο

ρυτίδα

πηγούνι

μάγουλο

γένια

βλεφαρίδες

tuần sau

tuần này

tuần trước

năm sau

năm nay

năm ngoái

tháng sau

tháng này

tháng trước

1988-04-12

2003-02-25

2014-01-01

2000-12-12

1907-09-30

1899-10-13

cằm

nếp nhăn

trán

lông mi

râu

má

φρύδι

μέση

αυχένας

θώρακας

αντίχειρας

μικρό δάχτυλο

παράμεσος

μεσαίο δάχτυλο

δείκτης

καρπός

νύχι

φτέρνα

σπονδυλική στήλη

μυς

οστό
σώμα

σκελετός

πλευρό

σπόνδυλος

ουροδόχος κύστη

φλέβα

αρτηρία

gáy

eo

lông mày

ngón tay út

ngón cái

lồng ngực

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

gót chân

móng tay

cổ tay

xương

cơ bắp

xương sống

đốt sống

xương sườn

bộ xương

động mạch

tĩnh mạch

bàng quang

κόλπος

σπέρμα

πέος

όρχις

χυμώδης

καυτερός

αλμυρός

ωμός

βρασμένος

ντροπαλός

άπληστος

αυστηρός

κουφός

dương vật

tinh trùng

âm đạo

cay

mộng nước

tinh hoàn

lượt

sống

mặn

nghiêm khắc

tham lam

nhút nhát

điếc